

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Séc lẾp - Tù do - H¹nh phóc**

Bản án số: 20 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 5 - 2021

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Vi Thanh Hà**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Phạm Thị Dung**.

2. Bà **Vũ Thị Xuyên**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Thắng** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Phương Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 359/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2021/QĐST – HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1997.

Nơi ĐKKHKT: tổ 5, khu C, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Chỗ ở: khu H, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thế A**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: tổ 5, khu C, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

3. *Người làm chứng:* Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: khu H, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 21 tháng 12 năm 2020, bản tự khai ngày 17 tháng 3 năm 2021, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thế A kết hôn ngày 13 tháng 9 năm 2019, đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố U, tỉnh

Quảng Ninh, hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng về quan điểm sống, anh Thế A mãi chơi, không quan tâm, chăm lo cho gia đình. Từ những nguyên nhân này vợ chồng thường cãi nhau khiến cuộc sống gia đình căng thẳng. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên can, nhắc nhở nhưng vợ chồng không khắc phục được. Vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị T thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể duy trì được cuộc sống vợ chồng, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Thế A.

Về nuôi con chung: Chị T và anh Thế A có 01 con chung là Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 28/7/2020, chị T đề nghị Tòa án giao con chung cho chị T nuôi và không yêu cầu anh Thế A phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí đã tổng đạt hợp lệ văn bản Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Giấy triệu tập và Thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; các văn bản tố tụng khác cho bị đơn anh Nguyễn Thế A. Tuy nhiên anh Thế A đều vắng mặt không có lý do, đồng thời trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh Thế A không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thế A, kết quả xác minh như sau:

Biên bản xác minh ngày 11/3/2021, Đại diện chính quyền khu C, phường P cung cấp thông tin: Cuộc sống hôn nhân của chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thế A có mâu thuẫn, hiện nay chị T và anh Thế A không còn sống chung với nhau. Chị T và anh Thế A đều có công việc ổn định.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 11/3/2021, bà Trần Thị L trình bày: Bà L là mẹ của chị T, về cuộc sống hôn nhân của chị T và anh Thế A có mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Thế A mãi chơi, không quan tâm chăm lo cho gia đình. Chị T và anh T đã sống ly thân, chị T đã về ở với bà L còn anh Thế A vẫn ở nhà bố mẹ đẻ anh Thế A. Nay chị T có đơn xin ly hôn với anh Thế A, bà L đề nghị Tòa án chấp nhận, để chị T ổn định cuộc sống.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Trần Thị T giữ nguyên lời trình bày và quan điểm giải quyết vụ án như đã nêu trên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua hồ sơ vụ án và các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa thấy: Chị T và anh Thế A đăng ký kết hôn ngày 13/9/2019 tại UBND phường P, thành phố U. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Thế A mãi chơi, không quan tâm đến gia đình vợ con. Khoảng giữa năm 2020 vợ chồng sống ly thân. Nay chị T không còn tình cảm với anh Thế

A nên đề nghị xin ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Thế A đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Bảo N hiện đang ở với chị T. Đồng thời, quá trình giải quyết, anh Thế A không có mặt tại tòa, không có quan điểm. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh Thế A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của các đương sự, đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thế A đều có địa chỉ tại thành phố U và nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án thành phố Uông Bí là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Thế A vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung cần giải quyết của vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thế A kết hôn hợp pháp ngày 13/9/2019. Căn cứ lời khai của nguyên đơn, người làm chứng và kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của các đương sự thấy lời khai của nguyên đơn là có cơ sở, hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Thế A nhiều lần, nhưng anh Thế A đều vắng mặt không có lý do, qua đó cũng thể hiện anh Thế A không có biện pháp mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Thế A đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc và không thể tồn tại kéo dài nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Các đương sự có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 28/7/2000. Hội đồng xét xử thấy con chung hiện nay dưới 36 tháng tuổi, hơn nữa chị T có công việc, chỗ ở, thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao con chung Nguyễn Thị Bảo N cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Nguyễn Thế A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nguyễn Thế A không thể hiện quan điểm nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trần Thị T phải nộp theo quy định.

[3] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn của chị Trần Thị Thảo.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Thế A.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 28/7/2020 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi kể từ tháng 5 năm 2021 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Thế A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) vào ngân sách Nhà nước (Chị T được trừ án phí bằng tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d theo biên lai thu 0003668 ngày 28 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị T, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, ngày 17 tháng 5 năm 2021. Bị đơn anh Nguyễn Thế A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường Phương Đông, TP Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án; VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vi Thanh Hà

